TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1060/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 556/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H; (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T đã tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2001.

Trong quá trình chung sống, ông bà không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bà Nguyễn Thị T hay chơi cờ bạc, thích ăn chơi và không quan tâm đến gia đình, không biết chăm sóc chồng, hay chửi bới, gây gổ,

quậy phá đánh nhau với ông, nói xấu chồng ở bên ngoài. Ông bà đã từng kết hôn trước đây rồi ly hôn, sau đó đăng ký kết hôn lại vì con cái. Ông đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn. Ông bà sống chung nhà nhưng đã ly thân nhiều năm. Ông L không sống chung với người phụ nữ khác như bà T trình bày. Ông L nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà T, sau đó ông rút đơn để tạo cơ hội đoàn tụ nhưng không được, nếu không suy nghĩ lại thì ông đã ly hôn từ lâu. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không bền vững nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T để ổn định cuộc sống về sau.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn L xác nhận ông và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2001.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn L xác nhận ông và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông L không đồng ý để lại toàn bộ tài sản cho bà T vì đó là tài sản chung.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn L có người phụ nữ khác, có lỗi với bà, bà T không có lỗi. Trước đây, bà T chơi chứng khoán chứ không chơi cờ bạc. Bà T và ông L đã sống với nhau 30 năm nay, bà chỉ biết buôn bán kiếm tiền nuôi con. Trong quá trình chung sống, ông L đối xử với bà T không tốt vì ông L có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay bỏ nhà đi. Ông bà đã từng kết hôn trước đây rồi ly hôn, sau đó đăng ký kết hôn lại. Đến nay, bà T vẫn còn yêu thương ông L, bà không muốn các con bà mất cha, bà tha thứ cho ông L để vợ chồng đoàn tụ. Bà T đồng ý ly hôn với ông L với điều kiện ông L phải để lại tài sản chung của vợ chồng cho bà, nếu không thì bà T không đồng ý ly hôn với ông L. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông L ở địa phương có nhiều người biết.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận bà và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2001.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận bà và ông Nguyễn Văn L có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng vì bà không đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận bà và ông Nguyễn Văn L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Các đương sự có mặt đầy đủ và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị T cư trú ở quận V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện

đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H cấp ngày 10 tháng 10 năm 2022 nên ông L được quyền khởi kiện. Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại quận g, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2022 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H.

Ông Nguyễn Văn L trình bày trong quá trình chung sống, ông bà không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bà Nguyễn Thị T hay chơi cờ bạc, thích ăn chơi và không quan tâm đến gia đình, không biết chăm sóc chồng, hay chửi bới, gây gổ, quậy phá đánh nhau với ông, nói xấu chồng ở bên ngoài. Ông bà đã từng kết hôn trước đây rồi ly hôn, sau đó đăng ký kết hôn lại vì con cái. Ông đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn. Ông bà sống chung nhà nhưng đã ly thân nhiều năm. Ông L không sống chung với người phụ nữ khác như bà T trình bày. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không bền vững nên ông đề nghị

Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với Nguyễn Thị T để ổn định cuộc sống về sau. Bà Nguyễn Thị T trình bày trong thời gian ông bà chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn L có người phụ nữ khác, có lỗi với bà, bà T không có lỗi. Trước đây, bà T chơi chứng khoán chứ không chơi cờ bạc. Bà T và ông L đã sống với nhau 30 năm nay, bà chỉ biết buôn bán kiếm tiền nuôi con. Trong quá trình chung sống, ông L đối xử với bà T không tốt vì ông L có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay bỏ nhà đi. Ông bà đã từng kết hôn trước đây rồi ly hôn, sau đó đăng ký kết hôn lại. Đến nay, bà T vẫn còn yêu thương ông L, bà không muốn các con bà mất cha, bà tha thứ cho ông L để vợ chồng đoàn tụ. Bà T đồng ý ly hôn với ông L với điều kiện ông L phải để lại tài sản chung của vợ chồng cho bà, nếu không thì bà T không đồng ý ly hôn với ông L. Trong quá trình chung sống, ông L đối xử với bà T không tốt vì ông L có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay bỏ nhà đi.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường A, quận G, Thành phố H, kết quả xác minh xác nhận bà Nguyễn Thị T không phải là hội viên Hội phụ nữ, không tham gia sinh hoạt hội nhưng có mặt tại địa phương, rất khó tiếp xúc.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Cả ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T đều trình bày ông bà đã kết hôn trước đó rồi ly hôn, năm 2022 ông bà đăng ký kết hôn lại. Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/6/2023 giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T, tại buổi hòa giải này bà T đã thống nhất ly hôn với ông L nên Tòa án lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Ngày 07/6/2023, bà Nguyễn Thị T đến Tòa án xin đọc lại bản tự khai bà viết ngày 05/6/2023 và các biên bản lập ngày 05/6/2023 gồm Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, Tòa án đưa các văn bản trên cho bà T đọc lại thì bà nhận văn bản và bất ngờ xé các văn bản trên. Tòa án lập Biên bản ghi nhận sự việc lưu hồ sơ có người làm chứng đã chứng kiến ký tên. Sau đó, Tòa án tổ chức phiên họp hòa giải tiếp theo ngày 28/6/2023 nhưng bà T vắng mặt. Tòa án tổ chức phiên họp hòa giải lần thứ 03 ngày 19/7/2023, cả nguyên đơn và bị đơn có mặt đầy đủ nhưng không thống nhất đoàn tụ. Bà T cho rằng ông L có người phụ nữ khác, đối xử với bà không tốt, hay bỏ nhà đi, bà không có lỗi, bà T đồng ý ly hôn với điều kiện ông L phải để lại tài sản chung của vợ chồng cho bà, nếu không thì bà không đồng ý ly hôn với ông L. Mặc dù Tòa án động viên hai bên tạo cho nhau cơ hội đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng ông Nguyễn Văn L tha thiết yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T, bà T không đồng ý ly hôn nhưng bà không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T là có thật và đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Ông Nguyễn Văn L thực sự không còn yêu thương, không quan tâm đến bà Nguyễn Thị T nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị T là có cơ sở.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị T hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T cùng xác nhận có 02 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2001.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận bà và ông Nguyễn Văn L có tài sản chung nhưng bà không nộp đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng vì bà không đồng ý ly hôn. Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, ông đề nghị để nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận. Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố H cấp ngày 10 tháng 10 năm 2022 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T cùng xác nhận có 02 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn

Văn Đ, sinh năm 2001.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Văn L đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011513 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Gò Vấp;
- Thi hành án DS Q.Gò Vấp;
- UBND P.A, Q. G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám